

Số: /BC-CTK

Thái Nguyên, ngày tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

A. KINH TẾ

1. Nông nghiệp

1.1 Trồng trọt

* Cây hàng năm:

Kết quả sản xuất cây hàng năm: Trong tháng 11/2022, ngành chức năng, các địa phương cũng như bà con nông dân trong tỉnh đang tiếp tục nỗ lực để hoàn thành kế hoạch sản xuất vụ Mùa. Ước tính tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2022 đạt 457,5 nghìn tấn, bằng 104,7% kế hoạch và giảm 0,9% so với năm 2021¹; (sản lượng lúa ước đạt 382,3 nghìn tấn, bằng 105% kế hoạch và giảm 0,6% so với cùng kỳ; sản lượng ngô ước đạt 75,2 nghìn tấn, bằng 103,3% kế hoạch và giảm 2,6% so với cùng kỳ). Ngoài ra, sản lượng rau các loại ước đạt 282,7 nghìn tấn, bằng 105,6% kế hoạch và tăng 5,5% so với cùng kỳ.

Tiến độ gieo trồng cây vụ Đông: Trong tháng 11, các địa phương tiếp tục gieo trồng vụ Đông với các cây giống tiên bộ kỹ thuật, sử dụng giống ngắn ngày, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây rau màu, thâm canh tăng năng suất để tăng giá trị sản phẩm trên 1 đơn vị diện tích gieo trồng. Tính đến hết 30/11/2022, tổng diện tích gieo trồng cây vụ Đông ước đạt 11,4 nghìn ha, tăng 0,8% so cùng thời điểm năm trước. Trong đó, diện tích cây ngô đạt 3,7 nghìn ha, tăng 2,2%; cây khoai lang đạt gần 1,5 nghìn ha, giảm 2%; cây rau các loại đạt hơn 6,1 nghìn ha, tăng 0,8%; cây lạc đạt 76 ha, giảm 5%; cây đỗ tương đạt 13 ha giảm 7,1%.

* Cây lâu năm:

Cây chè: Cây chè là cây trồng chủ lực trong sản xuất nông nghiệp hàng hóa của tỉnh. Để hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra, các địa phương cần tiếp tục chuyển đổi cơ cấu giống chè, trong đó, trồng mới và trồng thay thế giống chè già cỗi, có năng suất và chất lượng thấp bằng những giống chống chịu sâu, bệnh, có năng suất và chất lượng cao. Ngoài ra, cần hợp tác, liên kết trong sản xuất chế biến, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm, xây dựng, quản lý, phát triển thương hiệu chè Thái Nguyên, đảm bảo 100% sản phẩm chè do doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, có thương hiệu riêng và mã số vùng trồng..., nâng cao giá trị xuất khẩu.

¹ Do chuyển đổi cơ cấu cây trồng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất phục vụ các dự án công nghiệp nên diện tích lúa giảm 0,9% (tương đương giảm 558 ha); diện tích ngô giảm 2,8% (tương đương giảm 444 ha).

Tổng diện tích chè trên địa bàn tỉnh năm 2022 ước tính đạt hơn 22,2 nghìn ha, giảm 0,9% so cùng kỳ năm 2021² (*riêng diện tích cho sản phẩm ước đạt 20,9 nghìn ha, tăng 1,6%*); sản lượng chè búp tươi ước đạt 260,1 nghìn tấn, tăng 3,7% so cùng kỳ.

Cây ăn quả: Năm 2022 trên địa bàn tỉnh tiếp tục triển khai đề án “Phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022-2025”, tỉnh cũng ban hành một số cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích bà con hình thành các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn. Theo đó, hiện nay diện tích trồng mới một số cây ăn quả tăng khá như: diện tích cây Na tăng 13,4%; cây ổi tăng 11,1%; cây mít tăng 7,7%; ngoài ra, 02 sản phẩm “Nhân Phúc Thuận” và “Na La Hiên” đã được cấp chứng nhận Nhãn hiệu tập thể, một số diện tích đã được cấp chứng nhận VietGAP, hiện đang thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, góp phần cải thiện đời sống nhân dân, tăng thu nhập bình quân và tạo việc làm cho số lao động không nhỏ ở địa phương. Tổng diện tích cây ăn quả trên địa bàn tỉnh ước đạt gần 14 nghìn ha, tăng 0,5% so với cùng kỳ.

1.2. Chăn nuôi

Trong tháng tình hình chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển ổn định, dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm cơ bản được kiểm soát. Tuy nhiên, hiện nay giá bán thị lợn hơi, thịt gà hơi có xu hướng giảm so với tháng trước trong khi giá con giống, thức ăn chăn nuôi và giá một số nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất vẫn ở mức cao, gây nên áp lực về chi phí sản xuất cho người chăn nuôi.

Về giá bán sản phẩm chăn nuôi: Chỉ số giá sản phẩm chăn nuôi tháng 11/2022 giảm 2,5% so với tháng trước và tăng 12,4% so với cùng kỳ. Trong đó, chỉ số sản phẩm chăn nuôi lợn giảm 6,4% so với tháng trước và tăng 4,2% so với cùng kỳ; chỉ số giá sản phẩm chăn nuôi gia cầm giảm 1,4% so với tháng trước và tăng 18,8% so với cùng kỳ. Giá bán bình quân một số sản phẩm chăn nuôi trong tháng 11/2022 như sau: giá thịt lợn hơi khoảng 55,7 nghìn đồng/kg, giá lợn giống khoảng 116 nghìn đồng/kg; giá gà ta thịt hơi khoảng 116 nghìn đồng/kg; giá thịt hơi gà công nghiệp lông trắng khoảng 32,4 nghìn đồng/kg.

Về sản lượng thịt hơi xuất chuồng: Tổng sản lượng thịt hơi chuồng năm 2022 ước đạt 212,84 nghìn tấn, tăng 7,2% so với cùng kỳ và bằng 134,7% kế hoạch. Trong đó, sản lượng thịt lợn hơi ước đạt 96,55 nghìn tấn, tăng 1,6% so với cùng kỳ; sản lượng thịt gà hơi ước đạt 93,46 nghìn tấn, tăng 14,4% so; sản lượng thịt trâu hơi ước đạt 5,5 nghìn tấn, tăng 3,8%; sản lượng thịt bò hơi ước đạt 6,56 nghìn tấn, tăng 6,5%.

2. Lâm nghiệp

Công tác trồng rừng và khai thác lâm sản: Lũy kế đến thời điểm 20/11/2022, tổng diện tích trồng rừng tập trung trên địa bàn toàn tỉnh ước đạt 4.163,1 ha (*bao gồm 122 ha rừng phòng hộ và 4.041,1 ha rừng sản xuất*), bằng 112,5% kế hoạch.

² Do chuyển đổi mục đích sử dụng, chủ yếu ở TP Phổ Yên và TP Sông Công.

Tiến độ công tác triển khai “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ - Xuân Nhâm Dần năm 2022” gắn với thực hiện Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025: Tính đến ngày 20/11/2022, trên địa bàn toàn tỉnh thực hiện trồng được 1,6 triệu cây xanh phân tán các loại. Trong đó có 6,04 triệu cây xanh (1,77 triệu cây xanh phân tán và 4,27 triệu cây trồng rừng tập trung) được cập nhật dữ liệu trên phần mềm quản lý cây xanh Thai Nguyen Smarttrees.

Công tác phòng, chống cháy rừng: Trong tháng (tính từ 15/10/2022 đến 20/11/2022), trên địa bàn tỉnh không xảy ra cháy rừng và phá rừng. Công tác bảo vệ rừng tiếp tục được người dân sống xung quanh khu vực có rừng nâng cao ý thức cảnh giác, chấp hành tốt các quy định về phòng, chống cháy rừng.

3. Thủy sản

Hiện nay, các cơ sở sản xuất giống trên địa bàn tỉnh đang tiếp tục ươm nuôi các loại cá giống; nuôi vỗ đàn cá bố mẹ đồng thời chuẩn bị vật tư, xây dựng phương án phòng chống rét và phòng chống dịch bệnh cho đàn cá bố mẹ và đàn cá giống lưu. Lũy kế đến hết tháng 11/2022, sản lượng thủy sản ước đạt 15,8 nghìn tấn, bằng 92,9% kế hoạch năm và tăng 6,8% so với cùng kỳ; nguyên nhân tăng so với cùng kỳ là do nhiều hộ đã phát triển nuôi thâm canh, bán thâm canh, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, sử dụng các giống có năng suất, giá trị kinh tế cao.

II. Sản xuất công nghiệp

Hiện nay, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đang bước vào giai đoạn nước rút trong thực hiện các mục tiêu, kế hoạch sản xuất, kinh doanh của cả năm. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn do chi phí nguyên, nhiên vật liệu đầu vào, chi phí vận chuyển, kho bãi tăng cao nhưng tiếp nối đà tăng trưởng của những tháng trước, sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh tháng 11/2022 vẫn đạt được mức tăng trưởng khá cả so với tháng trước và so với cùng kỳ.

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 11/2022 ước tính tăng 2,3% so với tháng trước và tăng 9,3% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành khai khoáng tăng 10,8% so với tháng trước nhưng giảm 11,8% cùng kỳ; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,2% tháng trước và tăng 9,4% cùng kỳ; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 4,7% tháng trước và tăng 14% cùng kỳ; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,6% tháng trước và tăng 44,6% so với cùng kỳ.

Trong số các sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 11/2022, nhóm sản phẩm ước tính có sản lượng sản xuất tăng so với cùng kỳ như: Tai nghe khác ước đạt 8,2 triệu sản phẩm, gấp 2,1 lần; thiết bị và dụng cụ khác dùng trong y khoa ước đạt 217 triệu sản phẩm, tăng 48%; nước uống ước đạt 3,7 triệu m³, tăng 45,1%; điện sản xuất ước đạt 135 triệu kwh, tăng 20,9%; sản phẩm may đạt 9,2 triệu sản phẩm, tăng 18,7%; than đá ước đạt 152,2 nghìn tấn, tăng 13,1%; xi măng ước đạt 284,8 nghìn tấn, tăng 4,4%; camera truyền hình ước đạt 6,5 triệu sản phẩm, tăng 17,4%; điện thương phẩm ước đạt 455 triệu Kwh, tăng 2,9%; điện thoại thông minh đạt 9,9 triệu sản phẩm, tăng 2,5%... Ở chiều ngược lại, một số sản phẩm ước tính có sản lượng sản xuất trong tháng 11/2022 giảm so với cùng kỳ như: Vonfram và các sản phẩm

của vonfram ước đạt 1,4 nghìn tấn, giảm 11,1%; máy tính bảng đạt 0,7 triệu sản phẩm, giảm 10,5%; sắt thép các loại đạt 107,2 nghìn tấn, giảm 15,2%...

Tính chung 11 tháng năm 2022, chỉ số sản xuất ngành công nghiệp tăng 11,9% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành khai khoáng giảm 19,8%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 4,1%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 11,9%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12,4%.

Một số sản phẩm có sản lượng sản xuất 11 tháng năm 2022 ước tính tăng so với cùng kỳ như: Tai nghe khác ước đạt 73,9 triệu sản phẩm, tăng 74,5%; thiết bị và dụng cụ khác trong y khoa đạt 1.632 triệu sản phẩm, tăng 28%; sản phẩm may ước đạt khoảng 90,4 triệu sản phẩm, tăng 23,9%; camera truyền hình ước đạt 75,1 triệu sản phẩm, tăng 17,9%; nước máy thương phẩm đạt 31,5 triệu m³, tăng 12,5%; vonfram và sản phẩm vonfram ước đạt 16,8 nghìn tấn, tăng 7,4%; điện thoại thông minh đạt 94,3 triệu sản phẩm, tăng 5,3%³; điện sản xuất ước đạt 1.443 triệu Kwh, tăng 3,9%; xi măng đạt 2,6 triệu tấn, tăng 3,2%... Một số sản phẩm có sản lượng sản xuất trong 11 tháng năm 2022 ước tính giảm so với cùng kỳ như: Gạch xây dựng bằng gốm sứ đạt 51,6 triệu viên, giảm 4,6%; sắt thép các loại đạt 1,3 triệu tấn, giảm 6,4%; máy tính bảng đạt 7,9 triệu sản phẩm, giảm 12,4%; đồng tinh quặng đạt 34,2 nghìn tấn, giảm 21,2%...

III. Vốn đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng 11/2022 ước tính đạt 1.064,7 tỷ đồng, tăng 4% so với tháng trước và gấp gần 2,1 lần cùng kỳ. Trong đó, vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 503,3 tỷ đồng, tăng 8,6% so với tháng trước và gấp 2,2 lần cùng kỳ; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện đạt 548,3 tỷ đồng, tăng 0,2% so với tháng trước và tăng 98,5% so với cùng kỳ.

Luỹ kế 11 tháng năm 2022, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 7.933,1 tỷ đồng, bằng 88,3% kế hoạch năm và tăng 68,7% so với cùng kỳ. Chia ra: Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 4.031,1 tỷ đồng (*chiếm 50,8%*), bằng 88,8% kế hoạch năm và tăng 73,6% so với cùng kỳ; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện đạt 3.763,3 tỷ đồng (*chiếm 47,4%*), bằng 87,6% kế hoạch và tăng 66,5% so với cùng kỳ; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã đạt 138,7 tỷ đồng (*chiếm 1,8%*), bằng 92,5% kế hoạch và tăng 15,1% so với cùng kỳ.

Tiến độ thực hiện đầu tư một số dự án trên địa bàn: Dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc TP Thái Nguyên đã giải ngân 100% nguồn vốn với 13/13 hạng mục công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Dự án cầu Huống Thượng khởi công từ tháng 10/2021 với tổng mức đầu tư là 466,4 tỷ đồng. Sau hơn 1 năm khởi công xây dựng, hiện nay công trình đã hoàn thành khoảng 60% khối lượng thi công theo hợp đồng. Các nhà thầu đang tập trung máy

³ Trong đó, điện thoại có giá dưới 3 triệu đạt 46,4 triệu sản phẩm, tăng 7,8%; điện thoại có giá từ 6 triệu trở lên đạt 24,9 triệu sản phẩm, tăng 18,7%; điện thoại có giá từ 3 đến dưới 6 triệu đạt 23 triệu sản phẩm, giảm 9,9%.

móc, nhân lực để đẩy nhanh tiến độ thi công với quyết tâm hoàn thành, đưa công trình vào sử dụng trước tháng 6/2023.

Dự án Phát triển tổng hợp đô thị động lực TP Thái Nguyên, đến nay trong 5 hạng mục công trình thuộc giai đoạn 1 của dự án đã có 3 công trình hoàn thành và đưa vào sử dụng; còn lại 2 công trình thuộc giai đoạn 1 và 5 công trình thuộc giai đoạn 2 của dự án đang được triển khai, đẩy nhanh tiến độ thi công nhằm hoàn thành toàn bộ dự án vào năm 2024 theo đúng kế hoạch.

Bên cạnh đó, một số công trình lớn đã khởi công năm 2022 đang tiếp tục thi công như: Dự án tuyến đường liên kết du lịch Sông Công - Núi Cốc, khởi công ngày 15/11/2022 có tổng số vốn đầu tư 320,1 tỷ đồng (*nguồn vốn ngân sách Nhà nước*), với tổng chiều dài tuyến đường là 10,2 km đang được triển khai thực hiện; dự án tuyến đường liên kết giữa tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Vĩnh Phúc dài 42 km có tổng mức đầu tư 3.781 tỷ đồng; dự án sân vận động tỉnh hiện nay đã tăng thêm vốn 69,9 tỷ đồng cho kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư và từ nguồn vốn thu tiền sử dụng đất do cấp tỉnh quản lý và nâng tổng vốn dự án lên gần 536 tỷ đồng; dự án bảo vệ và phát triển rừng sản xuất, phòng hộ đặc dụng và nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025 với tổng mức đầu tư 414,5 tỷ đồng.

Tình hình giải ngân vốn đầu tư công: Luỹ kế vốn thanh toán từ đầu năm đến 31/10/2022 đạt 4.740,8 tỷ đồng, đạt 79,1% kế hoạch vốn do Thủ tướng giao và đạt 52,7% kế hoạch vốn do tỉnh giao. Ước tính luỹ kế thanh toán vốn đến hết 30/11/2022 đạt 5.690,5 tỷ đồng, đạt 95% kế hoạch vốn do Thủ tướng giao và đạt 63,3% kế hoạch vốn do tỉnh giao.

IV. Tài chính, ngân hàng

1. Thu ngân sách Nhà nước

Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh 10 tháng năm 2022 đạt 15.106,8 tỷ đồng, tăng 10,4% so với cùng kỳ và bằng 83,9% so với dự toán cả năm. Trong đó, thu nội địa đạt 12.351,3 tỷ đồng, tăng 4,9% so với cùng kỳ và bằng 78,9% dự toán; thu hoạt động xuất nhập khẩu đạt 2.677,6 tỷ đồng, tăng 43,9% so với cùng kỳ và bằng 114,4% dự toán năm 2022.

Trong thu nội địa, có 02 khoản thu đã vượt dự toán năm là: Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 21,1 tỷ đồng tăng 14,2% so cùng kỳ và tăng 22,9% so dự toán; thu khác ngân sách đạt 343,4 tỷ đồng, tăng 23,3 % so cùng kỳ và tăng 32,1% so dự toán; 06 khoản thu tăng so với cùng kỳ và đạt trên 90% dự toán năm là: Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 4.076,5 tỷ đồng, tăng 18% so cùng kỳ và bằng 98,5% dự toán; thu từ khu vực dịch vụ quốc doanh đạt 1.428,8 tỷ đồng, tăng 16,8% so cùng kỳ và đạt 90,8% dự toán; thuế thu nhập cá nhân đạt 1.227,3 tỷ đồng, tăng 21,4% so cùng kỳ và bằng 98,2% dự toán; thu lệ phí trước bạ, lệ phí và thu phí đạt 673,5 tỷ đồng, tăng 15,2% so với cùng kỳ và đạt 91,8% dự toán.

Các khoản thu đạt thấp hơn so với cùng kỳ là: Thu cấp quyền sử dụng đất đạt 2.863 tỷ đồng, giảm 7,2%; thu tiền cho thuê đất đạt 443,3 tỷ đồng, giảm 20,1%; thuế bảo vệ môi trường đạt 314,6 tỷ đồng, giảm 31,9%; thu cấp quyền khai thác

khoáng sản đạt 175,2 tỷ đồng, giảm 19,1%; thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 11,4 tỷ đồng, giảm 0,9% so cùng kỳ.

Tính đến ngày 14/11/2022, tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh đạt 15.412 tỷ đồng, bằng 85,6% dự toán tỉnh giao (*dự toán 18.000 tỷ đồng*).

2. Chi ngân sách địa phương

Tổng chi ngân sách địa phương 10 tháng năm 2022 đạt 10.652,1 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ và bằng 58,3% dự toán cả năm; trong đó, chi cân đối ngân sách địa phương đạt 9.020,7 tỷ đồng, tăng 1,2% so cùng kỳ; chi đầu tư phát triển 3.069,2 tỷ đồng (*chiếm 34% trong tổng chi cân đối ngân sách địa phương*), tăng 8,6% so với cùng kỳ và bằng 46,8 dự toán cả năm; chi thường xuyên đạt 5.947,9 tỷ đồng (*chiếm 65,9% chi cân đối ngân sách địa phương*), giảm 2% so với cùng kỳ và bằng 69,4% dự toán cả năm.

Trong tổng chi thường xuyên 10 tháng năm 2022, có 4/11 khoản chi tăng so cùng kỳ như: Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề đạt 2.601,4 tỷ đồng, tăng 2,9%; chi đảm bảo xã hội đạt 436,7 tỷ đồng, tăng 52,2%; chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao đạt 142,1 tỷ đồng, tăng 15,7%; chi khác của ngân sách đạt 56,3 tỷ đồng, tăng 25,7%. Các khoản chi còn lại đều giảm so với cùng kỳ, trong đó, các khoản thu giảm trên 10% so cùng kỳ như: Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình đạt 456,7 tỷ đồng, giảm 13,8%; chi sự nghiệp kinh tế đạt 386,6 tỷ đồng, giảm 35,5%; chi sự nghiệp bảo vệ môi trường đạt 111,4 tỷ đồng, giảm 15,8%; chi quốc phòng an ninh địa phương đạt 244,7 tỷ đồng, giảm 12%; còn lại 3/11 khoản chi giảm dưới 10% so cùng kỳ như: chi sự nghiệp khoa học và công nghệ đạt 28,7 tỷ đồng, giảm 4,9%; chi sự nghiệp phát thanh truyền hình đạt 47,6 tỷ đồng, giảm 4,3%; chi quản lý hành chính đạt 1.435,6 tỷ đồng, giảm 2%.

2. Hoạt động ngân hàng

Thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng trên địa bàn tỉnh 11 tháng năm 2022 cơ bản ổn định. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Thái Nguyên tiếp tục chỉ đạo các ngân hàng thương mại trên địa bàn thực hiện Chương trình hỗ trợ lãi suất 2% từ nguồn ngân sách Nhà nước 40 nghìn tỷ đồng theo Nghị định 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ, Thông tư số 03/2022/TT-NHNN ngày 20/5/2022, Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 16/8/2022 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Về tình hình thực hiện lãi suất: Lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 01 tháng tối đa là 1%/năm; kỳ hạn từ 01 tháng đến dưới 06 tháng tối đa là 6%/năm; từ 06 tháng trở lên sẽ do Tổ chức tín dụng (TCTD) ấn định trên cơ sở cung - cầu vốn thị trường. Về lãi suất cho vay bằng Việt Nam đồng đối với các lĩnh vực ưu tiên là 5,5%/năm. Lãi suất cho vay lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường khoảng 6-9%/năm đối với ngắn hạn, từ 9-13%/năm đối với trung và dài hạn.

Về hoạt động huy động vốn: Tổng nguồn vốn huy động của các TCTD trên địa bàn đến 31/10/2022 đạt 92.250 tỷ đồng, tăng 8,68% so với 31/12/2021. Ước

đến 30/11/2022, nguồn vốn huy động đạt 92.500 tỷ đồng, tăng 8,97% so với 31/12/2021.

Về hoạt động tín dụng: Dư nợ cho vay đối với nền kinh tế đến 31/10/2022 đạt 81.415 tỷ đồng, tăng 13,87% so với 31/12/2021. Ước đến 30/11/2022, dư nợ cho vay đạt 81.700 tỷ đồng, tăng 14,27% so với 31/12/2021.

Nợ xấu là 553 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 0,68%/tổng dư nợ.

Kết quả thực hiện Chương trình cho vay hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội theo Nghị quyết số 11/NQ-CP:

- Triển khai thực hiện Nghị định số 31/2022/NĐ-CP về hỗ trợ lãi suất của các Ngân hàng thương mại: Đến thời điểm 20/10/2022, có 04 chi nhánh Ngân hàng thương mại đã thực hiện hỗ trợ lãi suất cho 24 khách hàng với dư nợ gần 557 tỷ đồng, số tiền hỗ trợ lãi suất là 906 triệu đồng.

- Triển khai thực hiện Nghị định số 36/2022/NĐ-CP về hỗ trợ lãi suất của Ngân hàng chính sách xã hội: Đến thời điểm 20/10/2022, doanh số cho vay các chương trình tín dụng theo Nghị quyết số 11/NQ-CP trên địa bàn tỉnh đạt 146 tỷ đồng (*bằng 88,3% kế hoạch nguồn vốn được giao là 165,34 tỷ đồng*)⁴.

V. Thương mại, dịch vụ và giá tiêu dùng

1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh tháng 11/2022 ước đạt 5.594,2 tỷ đồng, tăng 0,4% so với tháng trước và tăng 35,2% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế Nhà nước ước đạt 196,4 tỷ đồng, tăng 4% so với tháng trước và tăng 6,5% cùng kỳ; khu vực kinh tế ngoài Nhà nước ước đạt 5.385,3 tỷ đồng, tăng 0,4% so với tháng trước và tăng 36,5% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 12,6 tỷ đồng, giảm 0,2% so với tháng trước nhưng tăng 39,2% so với cùng kỳ.

Chia theo ngành hoạt động: Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 3.983,2 tỷ đồng, tăng 1,1% so với tháng trước và tăng 19,5% so với cùng kỳ. Một số nhóm ngành hàng có doanh thu tăng cao so với cùng kỳ như: Nhóm lương thực, thực phẩm ước đạt 1.483,3 tỷ đồng (*chiếm 37,2% tổng doanh thu bán lẻ*), tăng 25,6%; nhóm xăng dầu các loại ước đạt 475,3 tỷ đồng, tăng 25,6%; nhóm gỗ và vật liệu xây dựng ước đạt 255,1 tỷ đồng, tăng 28,8%; nhóm doanh thu hàng hóa khác ước đạt 268,6 tỷ đồng, tăng 30,5%...

⁴Trong đó: Cho vay giải quyết việc làm là 120 tỷ đồng, 2.155 khách hàng vay vốn (bằng 100% kế hoạch được giao); Cho vay nhà ở xã hội đạt 21,5 tỷ đồng, 59 khách hàng vay vốn (bằng 100% kế hoạch được giao); Cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến là 8,86 tỷ đồng, 902 khách hàng vay vốn (bằng 93,2% kế hoạch được giao); Chương trình cho vay cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập là 1,7 tỷ đồng cho 16 khách hàng vay vốn (bằng 60,1% kế hoạch được giao); Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi 2021-2030 đạt 1,68 tỷ đồng với 42 khách hàng.

Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống, du lịch, lữ hành ước đạt 893,6 tỷ đồng, gấp 3,3 lần cùng kỳ. Trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú gấp 3,4 lần; doanh thu dịch vụ ăn uống gấp 3,2 lần; doanh thu dịch vụ lữ hành gấp 26,3 lần cùng kỳ.

Doanh thu dịch vụ khác ước đạt 717,4 tỷ đồng, tăng 1,6% so với tháng trước và tăng 35,3% so với cùng kỳ. Một số nhóm dịch vụ có doanh thu tăng cao so với cùng kỳ như: Nhóm dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 42,3%; dịch vụ giáo dục và đào tạo tăng 75,3% (*do tỉnh Thái Nguyên điều chỉnh mức tăng học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2022-2023 và năm 2022 dịch bệnh được kiểm soát, các dịch vụ giáo dục hoạt động trở lại bình thức như trước khi có dịch*); dịch vụ nghệ thuật, vui chơi và giải trí gấp 4,7 lần so với cùng kỳ;...

Luỹ kế 11 tháng năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu tiêu dùng trên địa bàn tỉnh ước đạt 50.531,8 tỷ đồng, tăng 24,9% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế Nhà nước ước đạt 2.118 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế ngoài Nhà nước ước đạt 48,3 nghìn tỷ đồng, tăng 25,8% cùng kỳ; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 107,8 tỷ đồng, tăng 28,1% so với cùng kỳ.

Chia theo ngành kinh tế: Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 37.827,8 tỷ đồng, tăng 18,5%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 6.171,5 tỷ đồng, tăng 78,1%; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 6.380,8 tỷ đồng, tăng 26,2%; doanh thu dịch vụ du lịch, lữ hành ước đạt 151,7 tỷ đồng, gấp 5,3 lần (do cùng kỳ bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 nên doanh thu hoạt động du lịch, lữ hành giảm sâu).

2. Xuất, nhập khẩu hàng hoá

Trong những tháng cuối năm hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá gặp nhiều khó khăn do lạm phát tăng cao ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là những thị trường xuất khẩu hàng hoá trọng điểm của tỉnh như Mỹ, EU, Hàn Quốc, Nhật Bản... Chuỗi cung ứng vẫn nguy cơ gián đoạn, đặc biệt là cung ứng nguyên, nhiên, vật liệu; giá nhiều loại hàng hoá, dịch vụ mặc dù đã giảm nhưng vẫn ở mức cao. Tuy nhiên, vượt qua khó khăn, hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá trên địa bàn tỉnh trong tháng 11 và tính chung 11 tháng vẫn duy trì được tăng trưởng so với cùng kỳ và đạt xuất siêu.

2.1. Xuất khẩu hàng hóa

Trong tháng 11/2022, tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn tỉnh ước đạt 2,62 tỷ USD, tăng 15,6% so với tháng trước và tăng 2% so với cùng kỳ. Chia theo khu vực kinh tế: Khu vực kinh tế trong nước ước đạt 63 triệu USD, giảm 8,5% so với tháng trước nhưng tăng 25,8% so với cùng kỳ⁵; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 2,56 tỷ USD, tăng 16,3% so với tháng trước và tăng 1,5% so với cùng kỳ.

Nhóm mặt hàng xuất khẩu chủ yếu ước tính có giá trị xuất khẩu đạt cao hơn so với cùng kỳ là: Kim loại màu và tinh quặng kim loại màu ước đạt 26,5 triệu USD,

⁵ Trong đó: Kinh tế nhà nước ước đạt 3,2 triệu USD, giảm 1,7% so với tháng trước, giảm 42,4% so với cùng kỳ; kinh tế tư nhân ước đạt 59,8 triệu USD, giảm 8,8% so với tháng trước, và tăng 34,3% so với cùng kỳ.

tăng 48,7%; sản phẩm phụ tùng vận tải ước đạt 0,6 triệu USD, tăng 45,8%; sản phẩm chè ước đạt 0,2 triệu USD, tăng 44,2%; sản phẩm giấy ước đạt 0,3 triệu USD, tăng 20,9%; sản phẩm điện tử khác và phụ tùng đạt 1,8 tỷ USD, tăng 14,9%; máy tính bảng đạt 215 triệu USD, tăng 9,5%; sản phẩm may ước đạt 40,2 triệu USD, tăng 5,6%. Bên cạnh đó, một số nhóm mặt hàng ước tính có giá trị xuất khẩu trong tháng đạt thấp hơn so với cùng kỳ là: Điện thoại thông minh đạt 496,1 triệu USD, giảm 24,3%; sản phẩm từ sắt thép ước đạt 2,7 triệu USD, giảm 63,1%.

Luỹ kế 11 tháng năm 2022, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh ước đạt 29,2 tỷ USD, tăng 11,6% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước ước đạt 672,1 triệu USD, tăng 17,8%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 28,5 tỷ USD, tăng 11,5%.

Trong các mặt hàng xuất khẩu thì nhóm hàng điện thoại, máy tính bảng và linh kiện điện thoại chiếm tỷ trọng cao nhất (*chiếm 94,7% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh*) ước đạt 27,7 tỷ USD, tăng 12% so với cùng kỳ⁶; tiếp đến là sản phẩm may ước đạt 433,1 triệu USD, tăng 2,9%; kim loại màu và tinh quặng kim loại màu đạt 290 triệu USD, tăng 27,8%; sản phẩm từ sắt thép đạt 34,9%, giảm 11%; phụ tùng vận tải đạt 6,7 triệu USD, tăng 34,2%; giấy và các sản phẩm từ giấy đạt 3,6 triệu USD, tăng 7,3%; chè các loại đạt 2,1 triệu USD, tăng 11,7%...

2.2. Nhập khẩu hàng hóa

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá tháng 11/2022 trên địa bàn tỉnh ước đạt 1,4 tỷ USD, tăng 33,3% so với tháng trước nhưng giảm 19,5% so với cùng kỳ. Khu vực kinh tế trong nước ước đạt 45,8 triệu USD, giảm 17,5% so với tháng trước và giảm 5,8% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 1,4 tỷ USD, tăng 36,1% so với tháng trước nhưng giảm 19,9% so với cùng kỳ.

Nhóm các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu đạt giá trị thấp hơn so với cùng kỳ là: Nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc ước đạt 4,5 triệu USD, giảm 6,5%; nguyên liệu và linh kiện điện tử ước đạt 1,3 triệu USD, giảm 20,5%; vải các loại ước đạt 12,1 triệu USD, giảm 24,1%; sản phẩm từ sắt thép ước đạt 1,7 triệu USD, giảm 24,5%. Bên cạnh đó, một số nhóm hàng có giá trị nhập khẩu trong tháng ước đạt cao hơn so với cùng kỳ là: chất dẻo (plastic) nguyên liệu ước đạt 10 triệu USD, tăng 8,8%; giấy các loại ước đạt 0,4 triệu USD, tăng 9,5%; nguyên, phụ liệu dệt may ước đạt 5 triệu USD, tăng 18,4%; nhóm máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng ước đạt 10,1 triệu USD, tăng gấp 2 lần so với cùng kỳ.

Luỹ kế 11 tháng năm 2022, tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá trên địa bàn tỉnh ước đạt 17,3 tỷ USD, tăng 7,7% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế Nhà nước ước đạt 34,4 triệu USD, tăng 53,3%; khu vực kinh tế tư nhân ước đạt 404,7 triệu USD, tăng 27,5%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 16,9 tỷ USD (*chiếm 97,5% tổng kim ngạch nhập khẩu*), tăng 7,2% so với cùng kỳ.

⁶ Trong đó; Nhóm sản phẩm điện tử khác và phụ tùng ước đạt 20,8 tỷ USD, tăng 34,8% so với cùng kỳ.; máy tính bảng ước đạt 2,4 tỷ USD, tăng 14,5%; nhóm điện thoại thông minh ước đạt 4,5 tỷ USD, giảm 37,5%.

Hầu hết các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong 11 tháng năm 2022 đều có giá trị tăng so với cùng kỳ. Cụ thể: Giấy các loại đạt 5,9 triệu USD, tăng 29,8%; nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc đạt 50,6 triệu USD, tăng 26,3%; sản phẩm từ sắt thép đạt 35,6 triệu USD, tăng 23,8%; chất dẻo (plastic) nguyên liệu đạt 103,7 triệu USD, tăng 16,6%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 129,2 triệu USD, tăng 11,5%; vải các loại và nguyên, phụ liệu dệt may đạt 205,1 triệu USD, tăng 9,3%; nguyên liệu và linh kiện điện tử đạt 16,1 tỷ USD, tăng 5,8%.

3. Vận tải

Doanh thu vận tải, kho bãi trên địa bàn tỉnh tháng 11/2022 ước đạt 552,3 tỷ đồng, giảm 0,7% so với tháng trước nhưng tăng 24,9% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 398,1 tỷ đồng, giảm 1,4% so với tháng trước nhưng tăng 18,8% so với cùng kỳ; doanh thu vận tải hành khách ước đạt 93,7 tỷ đồng, giảm 2,6% so với tháng trước và tăng 39,6% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 60,5 tỷ đồng, tăng 7,2% so với tháng trước và gấp 1,5 lần cùng kỳ.

Luỹ kế 11 tháng năm 2022, doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi trên địa bàn tỉnh ước đạt 5.506,3 tỷ đồng, tăng 18,6% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 4.052,4 tỷ đồng, tăng 15,6%; doanh thu vận tải hành khách ước đạt 907,4 tỷ đồng, tăng 27,9%; doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 546,4 tỷ đồng, tăng 27,1% so với cùng kỳ.

Vận tải hành khách: Trong tháng 11/2022 khối lượng vận chuyển hành khách ước đạt 2,2 triệu lượt hành khách, giảm 2,9% so với tháng trước nhưng tăng 31,6% so với cùng kỳ. Khối lượng luân chuyển hành khách ước đạt 101 triệu lượt hk.km, giảm 2,6% so với tháng trước nhưng tăng 34,8% so với cùng kỳ. Luỹ kế 11 tháng năm 2022, khối lượng vận chuyển hành khách ước đạt 21,4 triệu lượt hk, tăng 22,7%; khối lượng luân chuyển hành khách ước đạt 985,2 triệu lượt hk.km, tăng 23,1% so với cùng kỳ.

Vận tải hàng hóa: Khối lượng vận chuyển hàng hóa tháng 11/2022 ước đạt 4,4 triệu tấn, giảm 1,5% so với tháng trước nhưng tăng 10,9% so với cùng kỳ. Khối lượng luân chuyển hàng hóa ước đạt 181 triệu tấn.km, giảm 1,62% so với tháng trước nhưng tăng 14,04% so với cùng kỳ. Luỹ kế 11 tháng năm 2022, khối lượng vận chuyển hàng hóa ước đạt 45,2 triệu tấn, tăng 9,8% so với cùng kỳ; khối lượng luân chuyển hàng hóa ước đạt 1.846,6 triệu tấn.km, tăng 11,2% so với cùng kỳ.

Trước bối cảnh giá xăng dầu liên tục có biến động theo giá nhiên liệu thế giới, trong thời gian tới hoạt động kinh doanh vận tải, kho bãi sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn. Tuy nhiên, tiếp nối đà phục hồi và phát triển của các ngành, lĩnh vực kinh tế, hoạt động kinh doanh vận tải, kho bãi trên địa bàn tỉnh vẫn sẽ tiếp tục phát triển theo hướng tích cực, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hoá phục vụ sản xuất, tiêu dùng cũng như nhu cầu đi lại của người dân, góp phần hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2022.

4. Giá tiêu dùng

Do trong tháng 11/2022 Nhà nước điều chỉnh tăng giá bán xăng dầu theo biến động giá thế giới; giá bán một số mặt hàng nhóm đồ uống, thuốc lá và hàng may mặc tăng theo mùa nên chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11/2022 tăng 0,06% so với tháng trước, tăng 5% so với tháng 12/2021 và tăng 4,94% so với cùng kỳ.

So với tháng trước, CPI tháng 11/2022 tăng nhẹ 0,06%. 04/11 nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số giá tăng là: Nhóm giao thông tăng 2,28% (*do giá nhóm nhiên liệu tăng 5,52%*); nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,48% (*do giá dụng cụ y tế tăng 2,12%; giá thuốc các loại tăng 1,64%*); nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,62%; nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,21%. 04/11 nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số giá giảm là: nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,5% (*nhóm lương thực giảm 0,02%, nhóm thực phẩm giảm 0,69%*); nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,36% (*do giá dịch vụ sửa chữa nhà ở giảm 1,38%; giá nước sinh hoạt giảm 1,02%; giá điện sinh hoạt giảm 3,64% vì nhu cầu tiêu thụ giảm*); nhóm văn hoá, giải trí và du lịch giảm 0,22%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 0,07%. 03/11 nhóm hàng hoá, dịch vụ còn lại có chỉ số giá ổn định là: Nhóm giáo dục; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác; nhóm bưu chính viễn thông.

So với cùng kỳ năm trước (tháng 11/2021), CPI tháng 11/2022 tăng 4,94%. Các nhóm hàng hoá, dịch vụ có chỉ số giá tăng là: Nhóm giáo dục tăng cao nhất 67,86%, đóng góp 2,88 điểm phần trăm trong mức tăng CPI chung; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 7,09 %, đóng góp 2,44 điểm phần trăm trong mức tăng CPI chung; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,98%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,74%; nhóm hàng hoá và dịch vụ khác tăng 1,49%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,59%; nhóm may mặc, mũ, nón, giày dép tăng 0,38%. Ở chiều ngược lại, các nhóm hàng hoá, dịch vụ có chỉ số giá giảm là: Nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,56%; nhóm giao thông giảm 0,33%; nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng 0,1%.

So với tháng 12/2021, CPI tháng 11/2022 tăng 5%. Trong đó, có 9 nhóm hàng hoá, dịch vụ có chỉ số giá tăng và 02 nhóm hàng hoá, dịch vụ có chỉ số giá giảm là nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,56%; nhóm văn hoá, giải trí và du lịch giảm 0,15%. Trong số các nhóm hàng hoá và dịch vụ có chỉ số giá tăng, tăng cao nhất là nhóm giáo dục, tăng 67,86%; tiếp đến là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 6,44%; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,61%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,55%; nhóm giao thông tăng 1,12%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,07%...

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 11 tháng năm 2022 tăng 3,52% so với cùng kỳ năm trước. Trong 11 nhóm hàng hóa chính thì có 10 nhóm hàng tăng giá và có

01 nhóm giảm giá là nhóm bưu chính, viễn thông, giảm 0,4%. Trong số các nhóm hàng hoá, dịch vụ có chỉ số giá tăng, có 02 nhóm có chỉ số giá tăng cao hơn chỉ số giá chung là: nhóm giáo dục tăng 15,54% (*đóng góp 0,66 điểm phần trăm trong mức tăng CPI chung*); nhóm giao thông tăng 11,30% (*đóng góp 1,18 điểm phần trăm trong mức tăng CPI chung*). Các nhóm hàng hoá, dịch vụ còn lại có chỉ số giá tăng với mức tăng thấp hơn mức tăng CPI chung.

Chỉ số giá vàng: Trong tháng 11/2022, giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Chỉ số giá vàng tháng 11/2022 tăng 2,37% so với tháng trước, tăng 1% so với cùng kỳ và tăng 1,21% so với tháng 12/2021. Bình quân 11 tháng năm 2022, chỉ số giá vàng tăng 1,84% so với cùng kỳ.

Chỉ số giá Đô la Mỹ: Chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 11/2022 tăng 2,53% so với tháng trước, tăng 9,20% so với cùng kỳ và tăng 7,73% so với tháng 12/2021. Bình quân 11 tháng năm 2022, chỉ số giá Đô la Mỹ tăng 2,06% so với cùng kỳ.

B. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Lao động, việc làm

Thời điểm cuối năm, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đang bước vào giai đoạn nước rút trong thực hiện các mục tiêu, kế hoạch sản xuất, kinh doanh của cả năm. Trong đó, các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp đang tập trung mọi nguồn lực, chủ động tìm kiếm đơn hàng, thay đổi phương thức sản xuất, mở rộng thị trường mới, phấn đấu hoàn thành mức cao nhất kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2022.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/11/2022 tăng 0,96% so cùng thời điểm tháng trước nhưng giảm 1,21% so với cùng kỳ, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp công nghiệp Nhà nước giảm 0,02% so với tháng trước và giảm 5,1% so với cùng kỳ; doanh nghiệp ngoài quốc doanh tăng 0,3% so với tháng trước và tăng 6,3% so với cùng kỳ; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 1,56% so với tháng trước, giảm 3,03% so với cùng kỳ (*do Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên giảm lao động so với cùng kỳ, một số các công đoạn trong quá trình sản xuất công ty đã thay thế bằng robot hiện đại*). Chia theo ngành hoạt động: Ngành khai khoáng giảm 5,91% so với cùng kỳ; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 1,03%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 3,48% so với cùng kỳ; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 5,43%.

Tính chung 11 tháng năm 2022, số lao động làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp giảm 2,15% so với cùng kỳ (*doanh nghiệp Nhà nước giảm 5,29%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 11,38%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm 5,72%*). Chia theo ngành hoạt động: Ngành khai khoáng giảm 6,47% so với cùng kỳ; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 2,11%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 3,06%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,51%.

2. Hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao và du lịch

2.1. Lĩnh vực văn hoá

Hoạt động văn hóa: Tập trung chuẩn bị các nội dung tổ chức Lễ kỷ niệm 50 năm Ngày hy sinh của 60 liệt sĩ Thanh niên xung phong Đại đội 915, Đội 91 Bắc Thái (24/12/1972 - 24/12/2022). Tiếp tục thực hiện quy trình sản xuất phim truyện “915”. Tổ chức thành công Liên hoan Văn nghệ quần chúng tỉnh Thái Nguyên năm 2022. Tham gia Liên hoan trình diễn trang phục các dân tộc thiểu số Việt Nam khu vực phía Bắc lần I, năm 2022 tại Đồng Mô, Sơn Tây, Hà Nội.

Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa (TĐĐKXDĐSVH): Phong trào TĐĐKXDĐSVH được thực hiện hiệu quả, thiết thực và có chiều sâu tại cả 9 huyện, thành phố trong tỉnh. Trong tháng 11/2022 tất cả các địa phương đã tổ chức Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc; cụ thể: có 2.254 khu dân cư tổ chức phần Lễ (*đạt 100% tổng số khu dân cư của tỉnh*); 2.221 khu dân cư tổ chức phần Hội (*đạt 98,5%*); 2.221 khu dân cư tổ chức cả phần Lễ và phần Hội; 2.206 khu dân cư tổ chức bữa cơm Đại đoàn kết (*chiếm 97,8%*). Tổng số lượt lãnh đạo các cấp trong tỉnh tham dự Ngày hội 2.443 lượt, trong đó: Lãnh đạo cấp tỉnh dự Ngày hội có 34 lượt; lãnh đạo cấp huyện có 190 lượt và lãnh đạo cấp xã dự Ngày hội có 2.219 lượt.

Hoàn thành các nội dung trong công tác xây dựng Mô hình tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình và văn hóa ứng xử trong trường học; tổ chức thành công Hội thi “Xây dựng văn hóa ứng xử trong gia đình và trường học” với sự tham gia của 50 hạt nhân tiêu biểu và gần 1.600 học sinh khối trường THPT tại Trường THPT Định Hóa.

Hoạt động bảo tàng: Tham gia trưng bày tài liệu hiện vật phục vụ Liên hoan trình diễn trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số Việt Nam khu vực phía Bắc lần thứ I, năm 2022 tại Làng Văn hoá các dân tộc Việt Nam. Tiếp tục tổ chức thực hiện công tác kiểm kê, bảo quản tài liệu, hiện vật đợt IV/2022. Tiếp tục thực hiện công tác số hóa 150 đơn vị hiện vật. Thực hiện công tác kiểm kê khoa học thường xuyên; vệ sinh kho cơ sở, vệ sinh phòng trưng bày và cảnh quan tại Không gian Văn hóa Trà. Phục vụ khai thác thông tin tư liệu, hiện vật các cá nhân, cơ quan, báo chí truyền hình; đón tiếp 177 lượt khách (*trong đó có 50 lượt khách nước ngoài*) tham quan tại Không gian văn hoá trà Tân Cương.

Hoạt động khu di tích lịch sử và sinh thái ATK-Định Hóa: Kiểm tra thường xuyên hiện trạng các điểm di tích được giao quản lý trên địa bàn huyện Định Hóa. Duy tu sửa chữa, vệ sinh biển bảng, biển chỉ dẫn tại điểm di tích đường vào di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Khau Tý. Đón tiếp 302 đoàn với 20.468 lượt khách dâng hương tại Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, tham quan các di tích.

Hoạt động phát hành phim và chiếu bóng: Tổ chức 32 buổi chiếu phim phục vụ đối tượng chính sách với 1.280 lượt người xem.

Hoạt động thư viện: Cấp 23 thẻ bạn đọc, phục vụ 2.550 lượt bạn đọc; luân chuyển 5.210 lượt sách báo; phục vụ 85 lượt bạn đọc đến tìm hiểu, học tập, tra

cứu thông tin tại phòng internet; trên 10.215 lượt truy cập website của Thư viện tỉnh. Thực hiện 04 cuộc giới thiệu sách trên Đài phát thanh truyền hình tỉnh. Tiếp tục triển khai hệ thống thư viện điện tử, thư viện số; triển khai việc bổ sung sách, báo, tạp chí phục vụ hệ thống thư viện công cộng, luân chuyển phục vụ tại thư viện, tủ sách các xã, thị trấn, thôn, xóm, bản và xây dựng 05 thư viện cơ sở.

2.2. Lĩnh vực thể thao

Hoạt động thể thao: Tổ chức thực hiện Kế hoạch tham gia Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022 tại tỉnh Quảng Ninh. Tổ chức lớp tập huấn Hướng dẫn viên Thể dục dưỡng sinh tỉnh Thái Nguyên năm 2022. Tổ chức Giải vô địch Cờ vua cúp các Câu lạc bộ toàn quốc năm 2022. Tổ chức thành công giải cầu lông, bóng bàn, cờ tướng Đảng uỷ khối các cơ quan tỉnh. Cử đoàn huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao tham gia thi đấu các giải thể thao toàn quốc, khu vực và thế giới. Duy trì hoạt động của các liên đoàn, hội, câu lạc bộ thể thao trong tỉnh.

Công tác đào tạo học sinh năng khiếu: Chuẩn bị tốt các điều kiện để tiếp nhận vận động viên trẻ, học sinh năng khiếu thể dục thể thao nhập học, khai giảng năm học mới 2022 - 2023.

Thể thao thành tích cao: Tập trung lực lượng tham gia thi đấu Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX. Tập trung các đội tuyển tập luyện và tham gia thi đấu các giải toàn quốc và quốc tế: Đội Jujitsu đạt 2 HCV, 3 HCB, 6 HCĐ tại giải vô địch Jujitsu thế giới tổ chức tại UAE (đã bao gồm cả vận động viên trẻ, học sinh năng khiếu của Trường PTNK TDTT); bóng chuyền xếp thứ 4/6 đội tại vòng chung kết giải bóng chuyền hạng A toàn quốc. Lượt về giải vô địch Bóng đá nữ quốc gia xếp thứ 4/7 đội.

2.3. Lĩnh vực du lịch

Thường xuyên duy trì đảm bảo có hiệu quả công tác quảng bá, xúc tiến du lịch Thái Nguyên trên Website du lịch Thái Nguyên, Cổng du lịch thông minh và các kênh quảng bá trên nền tảng mạng xã hội⁷. Tư vấn, kết nối, hỗ trợ các công ty lữ hành và khách du lịch với trên 2 nghìn lượt khách tham quan, trải nghiệm tại Thái Nguyên.

3. Tình hình thực hiện chính sách xã hội

*** Công tác giảm nghèo, bảo trợ xã hội:**

Xác định công tác giảm nghèo là mục tiêu ưu tiên quan trọng trong công tác an sinh xã hội và chính sách phát triển kinh tế - xã hội, trong tháng ngành chức

⁷ Đăng tải lên Website Du lịch Thái Nguyên, Cổng du lịch thông minh, Zalo official account 11 tin, bài viết, 42 ảnh quảng bá về du lịch Thái Nguyên đã thu hút được trên 182.000 lượt truy cập và trên 2.700 lượt xem bài viết (Website du lịch Thái Nguyên đã thu hút trên 170.000 lượt truy cập, Cổng du lịch thông minh thu hút được trên 12.000 lượt truy cập; Zalo official account đã thu hút trên 2.700 lượt xem bài viết).

Fanpage facebook đã đăng tải 13 tin, bài, 04 video kèm 150 ảnh quảng bá về du lịch Thái Nguyên đã thu hút được trên 17.400 lượt tiếp cận; Youtube đã thu hút trên 1.800 lượt người xem; Tiktok thu hút được trên 9.000 lượt người xem.

năng vẫn tiếp tục huy động tất cả các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người dân trong tỉnh cùng chung tay, góp sức ủng hộ nhằm chăm lo, hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh. Theo tổng hợp sơ bộ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 của ngành chức năng, tính đến ngày 15/11/2022 tổng số hộ dân cư trên địa bàn tỉnh là 335.517 hộ, trong đó, hộ nghèo là: 15.146 hộ, tỷ lệ 4,49% (*giảm 5.449 hộ, với tỷ lệ giảm là 1,65%*); hộ cận nghèo là: 12.730 hộ, tỷ lệ 3,78% (*giảm 3.473 hộ, tỷ lệ giảm là 1,05%*).

Ngành chức năng đã trình UBND tỉnh phê duyệt về việc chúc thọ tặng quà cho người cao tuổi thọ 90, 95, 100 và trên 100 tuổi năm 2023; bổ sung danh sách chúc thọ, tặng quà cho người cao tuổi năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

*** *Thực hiện chính sách ưu đãi người có công***

Trong tháng ngành chức năng tiếp tục thực hiện tốt phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” và “Uống nước nhớ nguồn”, xây dựng xã, phường làm tốt công tác thương binh. Thực hiện chi trả đúng, đủ, kịp thời trợ cấp hàng tháng cho người có công. Thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước, giải quyết chế độ mai táng phí, giải quyết chế độ mai táng phí cho trường hợp người có công từ trần, thân nhân người có công từ trần; giải quyết chế độ thờ cúng liệt sĩ; cấp giấy chứng nhận thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ.

*** *Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em:***

Công tác bảo vệ trẻ em tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm. Các chính sách trợ giúp trẻ em từng bước được hoàn thiện và mở rộng. Ngành chức năng phối hợp với Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam, Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên tổ chức chương trình trao 100 suất học bổng và 120 xe lăn cho trẻ em và người khuyết tật trên địa bàn tỉnh. Tổ chức 06 lớp tập huấn nghiệp vụ công tác trẻ em, kỹ năng bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn cho gần 600 cán bộ làm công tác trẻ em, người nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em tại cộng đồng.

Hướng dẫn các huyện, thành phố chi kinh phí hỗ trợ cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS từ nguồn ngân sách thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em năm 2022.

4. Y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng

*** *Tình hình dịch Covid-19:***

Tính từ 01/01/2022 đến hết 23/11/2022, toàn tỉnh ghi nhận 342.136 trường hợp mắc Covid-19. Tổng số mắc Covid-19 của tỉnh từ đầu dịch đến 23/11/2022 là 343.950 trường hợp); 118 trường hợp tử vong (*chủ yếu là người già và người có bệnh nền*). Tại các Bệnh viện điều trị Covid-19 trên địa bàn tỉnh đã tiếp nhận 17.953 bệnh nhân, trong đó, đang điều trị 24 bệnh nhân (*chủ yếu mức độ nhẹ và vừa*); khỏi bệnh ra viện: 17.841 bệnh nhân; quản lý, điều trị tại nhà/nơi lưu trú 324.153 bệnh nhân, trong đó, đang quản lý, điều trị tại nhà là 27 bệnh nhân. Đã được công bố khỏi bệnh là 324.126 bệnh nhân.

Tính riêng từ ngày 01/11 đến ngày 23/11/2022 trên địa bàn tỉnh ghi nhận 262 trường hợp mắc Covid-19.

Hiện nay, tình hình dịch trên địa bàn cơ bản đã được khống chế tốt, có được kết quả như vậy là nhờ vào việc đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19 trên địa bàn toàn tỉnh. Qua đánh giá, xác định mức độ dịch trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ: Từ đầu vụ dịch đến nay Thái Nguyên vẫn ở Cấp độ 1.

*** Công tác triển khai tiêm phòng Covid-19 trên địa bàn tỉnh (tính đến ngày 23/11/2022):**

Người từ 18 tuổi trở lên: Tổng đối tượng ≥ 18 tuổi: 892.803 người; số tiêm ít nhất 1 mũi: 887.328 người (99,4%); số tiêm 2 mũi: 886.566 người (99,3%); số tiêm mũi nhắc lại lần 1: 683.763 liều/786.658 người (86,9%); số tiêm mũi nhắc lại lần 2: 227.043 liều/255.068 người (89%).

Trẻ em từ 12 đến dưới 18 tuổi: Tổng đối tượng từ 12 đến dưới 18 tuổi: 116.561 trẻ; số tiêm ít nhất 1 mũi: 115.696 trẻ (99,3%); số tiêm 2 mũi: 118.332 trẻ (101,5%)⁸; số tiêm mũi nhắc lại lần 1: 96.938 liều/114.272 trẻ (84,8%).

Trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi: Tổng đối tượng từ 5 đến dưới 12 tuổi: 160.179 trẻ; số tiêm ít nhất 1 mũi: 152.698 trẻ (95,3%); số tiêm 2 mũi: 122.324 trẻ (76,4%).

*** Tình hình nhiễm HIV/AIDS:**

Mặc dù đã có nhiều chính sách hỗ trợ tích cực của Nhà nước trong công tác phòng chống HIV/AIDS, tuy nhiên số người nhiễm mới và số người tử vong do nhiễm HIV/AIDS vẫn có xu hướng tăng thêm. Lũy tích đến ngày 31/10/2022 số người nhiễm HIV/AIDS là 9.314 người, tăng 127 người so với cùng kỳ năm 2021. Số tử vong do HIV/AIDS là 4.566 người, tăng 74 người so với cùng kỳ năm 2021. Riêng trong tháng 10/2022 phát hiện mới 2 người nhiễm; có 10 trường hợp tử vong do HIV/AIDS. So với cùng kỳ số người nhiễm mới giảm 09 người, nhưng số trường hợp tử vong do HIV/AIDS tăng 02 người.

*** Tình hình dịch bệnh truyền nhiễm:**

Lũy kế từ đầu năm đến ngày 20/11/2022 toàn tỉnh có 29 ca quai bị (*giảm 11 ca so với cùng kỳ năm 2021*); 228 ca sốt xuất huyết (*tăng 210 ca so với cùng kỳ năm 2021*); 201 ca chân tay miệng (*tăng 178 ca so với cùng kỳ 2021*); 03 ca phát ban rạn sởi/rubela (*tăng 02 ca so với cùng kỳ năm 2021*); 01 ca viêm não Nhật Bản B và 01 ca tử vong do bệnh dại (*giảm 02 ca so với cùng kỳ năm 2021*). Tính riêng trong 20 ngày đầu tháng 11/2022 (*tính từ 1/11/2022 đến 20/11/2022*) phát sinh 03 ca chân tay miệng; 53 ca sốt xuất huyết.

*** Công tác khám, chữa bệnh:**

Công tác khám, chữa bệnh tiếp tục được quan tâm, theo đó yêu cầu các cơ sở khám, chữa bệnh phải đảm bảo đầy đủ thuốc, sinh phẩm, vật tư y tế, không để

⁸ Do bao gồm cả trẻ ngoài địa bàn tỉnh nhưng tiêm ở tỉnh Thái Nguyên.

tình trạng thiếu thuốc, hóa chất, sinh phẩm phục vụ công tác khám, chữa bệnh. Tích cực tập trung triển khai phòng, chống dịch tại các cơ sở khám, chữa bệnh, đặc biệt quan tâm đến các bệnh truyền nhiễm, nguy hiểm, làm hạn chế tối đa nguy cơ lây lan rộng của dịch bệnh.

Kết quả khám chữa bệnh BHYT từ 01/01/2022 đến 23/11/2022: Tổng số lượt khám chữa bệnh BHYT là 1.475.613 lượt (*nội trú 246.751; ngoại trú 1.228.862*). Tổng chi phí khám chữa bệnh BHYT là 1.312,9 tỷ đồng (*nội trú 998,2 tỷ đồng; ngoại trú 314,7 tỷ đồng*); trích chuyển dữ liệu điện tử đúng thời gian đạt 96,6% tổng số hồ sơ. Trung bình tỷ lệ trích chuyển dữ liệu điện tử đúng thời gian năm 2022 đạt 94,4% tổng số hồ sơ.

*** Công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm:**

Ngành chức năng tiếp tục duy trì triển khai đến từng địa phương công tác an toàn thực phẩm; đồng thời làm tốt công tác tuyên truyền về đảm bảo an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Trong tháng không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm. Luỹ kế từ đầu năm đến 23/11/2022 có 02 vụ ngộ độc thực phẩm tập thể với 24 người mắc và không người tử vong. So với cùng kỳ năm 2021, tăng 02 vụ ngộ độc và tăng 24 người mắc.

*** Dân số và trẻ em:**

Tính từ đầu năm đến hết tháng 10/2022, trên địa bàn tỉnh có 10.315 trẻ mới sinh, bằng 84,51% và giảm 1.891 trẻ so với cùng kỳ năm 2021; trong đó, số trẻ em nam sinh ra là 5.506, bằng 84,66% so với 10 tháng đầu năm 2021 (*chiếm 53,38% tổng số trẻ sinh ra*); số trẻ em nữ sinh ra là 4.809 trẻ, bằng 84,34% so với cùng kỳ năm 2021 (*chiếm 46,62% tổng số trẻ sinh ra*). Tỷ số giới tính khi sinh là 114,49 trẻ nam/100 trẻ nữ (*cùng kỳ tỷ lệ này là 114,1/100*).

Trong tổng số trẻ mới sinh, có 1.731 trẻ sinh ra là con thứ 3 trở lên, chiếm 16,78% tổng số trẻ sinh ra, giảm 264 trẻ so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, huyện Phú Bình có trẻ sinh ra là con thứ 3 nhiều nhất là 363 trẻ (*chiếm 20,97% tổng số trẻ sinh con thứ 3 của toàn tỉnh và giảm 163 trẻ so cùng kỳ năm trước*), huyện Đại Từ có 294 trẻ (*giảm 52 trẻ so với cùng kỳ năm 2021*); TP Thái Nguyên có 194 trẻ (*giảm 41 trẻ so với cùng kỳ năm 2021*)... Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em tiếp tục được quan tâm thực hiện.

Công tác kế hoạch hóa gia đình:

Tính đến hết tháng 10/2022 toàn tỉnh hiện có 162.645 số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng biện pháp tránh thai. Trong đó, sử dụng biện pháp tránh thai đặt vòng là nhiều nhất với 87.125 cặp vợ chồng (*chiếm 53,57% tổng các biện pháp tránh thai*), tiếp đó là 32.377 cặp vợ chồng sử dụng biện pháp uống thuốc tránh thai (*chiếm 19,9% tổng các biện pháp tránh thai*), tiếp theo là 31.686 cặp vợ chồng sử dụng biện pháp tránh thai là sử dụng bao cao su (*chiếm 19,48% các biện pháp tránh thai*), còn lại là các biện pháp khác. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng biện pháp tránh thai toàn tỉnh là 61.819 cặp (*chiếm khoảng 27,54% tổng số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ*).

5. Giáo dục, đào tạo

Trong tháng, ngành chức năng chỉ đạo các nhà trường tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả kế hoạch năm học 2022-2023 hiệu quả. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Tổ chức tốt kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 12 và Hội thi Giáo dục Quốc phòng và An ninh cấp tỉnh. Tuyên truyền và tổ chức các phong trào thi đua và Lễ Kỷ niệm 40 năm ngày Nhà giáo Việt Nam, giáo dục truyền thống “Tôn sư trọng đạo” cho học sinh, động viên đội ngũ cán bộ, nhà giáo. Tham gia và đạt giải Nhất của cụm Thi đua số 5 của Bộ GDĐT trong Hội thi Giai điệu tuổi Hồng cấp THPT.

Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia: Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia tiếp tục được các địa phương quan tâm chỉ đạo, đầu tư hiệu quả, đạt kết quả. Toàn tỉnh hiện có 597/684 trường học các cấp đạt trường chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 87,28%: trong đó, mầm non có 208/248 đạt tỷ lệ 83,87%, tiểu học có 204/210 đạt tỷ lệ 97,14%, trung học cơ sở có 162/193 đạt tỷ lệ 83,94%, trung học phổ thông có 23/33 đạt tỷ lệ 69,7%.

Công tác tuyển sinh cao đẳng, đại học: Công tác tuyển sinh năm học 2022-2023 của các trường thuộc Đại học Thái Nguyên học hệ Đại học và Cao đẳng, tính đến 01/11/2022 đã có 11.467 thí sinh nhập học, đạt khoảng 76,22% tổng chỉ tiêu tuyển sinh. Hiện nay các trường vẫn đang tiếp tục nhận hồ sơ, xác nhận nhập học và cập nhật danh sách cho các thí sinh trúng tuyển.

6. Tình hình trật tự, an toàn giao thông

Theo báo cáo của Ban An toàn giao thông tỉnh, tính từ ngày 15/10/2022 đến ngày 14/11/2022 trên địa bàn tỉnh xảy ra 30 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 28 người bị thương và 08 người chết. So sánh với cùng kỳ năm 2021 tăng cả ở 03 tiêu chí số vụ tai nạn, số người chết và số người bị thương; trong đó, số vụ tai nạn tăng 12 vụ, tăng 01 người chết và tăng 18 người bị thương. Tai nạn liên quan đến ô tô là 12 vụ (*chiếm 40%*); liên quan đến mô tô là 12 vụ (*chiếm 40%*), liên quan đến phương tiện khác 06 vụ (*chiếm 20%*). Thiệt hại tài sản ước tính khoảng 446,4 triệu đồng. Không xảy ra tai nạn giao thông trên đường sắt, đường thủy.

Lũy kế 11 tháng năm 2022, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 122 vụ tai nạn giao thông, làm chết 33 người và 121 người bị thương. So với cùng kỳ năm 2021 số vụ tai nạn giảm 10 vụ (-7,58%), số người bị chết giảm 11 người (-25%) và số người bị thương tăng 9 người (+8,04%). Trong đó, TP Thái Nguyên xảy ra 55 vụ có 11 người chết và 57 người bị thương; huyện Đại Từ xảy ra 15 vụ làm 04 người chết và 22 người bị thương; TP Phổ Yên xảy ra 15 vụ làm 05 người chết và 08 người bị thương; huyện Phú Lương xảy ra 12 vụ làm 03 người chết và 10 người bị thương; huyện Định Hóa xảy ra 06 vụ làm 05 người chết và 02 người bị thương.

Công tác kiểm tra, xử lý an toàn giao thông: Trong tháng 11/2022 ngành chức năng đã kiểm tra, lập biên bản xử lý vi phạm 1.988 trường hợp; tước 288 giấy phép lái xe; tạm giữ 58 xe ô tô, 392 xe mô tô, 13 phương tiện khác. Số tiền xử phạt là 2,7 tỷ đồng. Lũy kế 11 tháng năm 2022, ngành chức năng đã kiểm tra,

lập biên bản xử lý vi phạm 29.988 trường hợp; tước 3.751 giấy phép lái xe; tạm giữ 632 xe ô tô, 5.331 xe mô tô, phương tiện khác 49 chiếc. Tổng số tiền xử phạt 34 tỷ đồng. Đường thủy nội địa xử lý 58 trường hợp vi phạm, thu nộp ngân sách là 143,8 triệu đồng.

Công tác quản lý phương tiện giao thông: Trong tháng, ngành chức năng của tỉnh đã cấp đăng ký mới cho 3.804 xe; trong đó xe ô tô là 602 xe (*chiếm 15,8% tổng số xe đăng ký mới*), xe mô tô là 2.862 xe (*chiếm 75,2%*), xe máy điện là 340 xe (*chiếm 9%*). Lũy kế 11 tháng tổng số phương tiện đã đăng ký là 951.962 xe.

7. Công tác phòng chống cháy, nổ

Tính từ ngày 16/10/2022 đến 15/11/2022 trên địa bàn tỉnh xảy ra 08 vụ cháy, tăng 03 vụ so với tháng trước và tăng 06 vụ so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, có 02 vụ cháy tại TP Phố Yên; 06 vụ cháy tại TP Thái Nguyên. Các vụ cháy không có người bị thương, giá trị thiệt hại ước tính khoảng trên 341 triệu đồng.

Lũy kế 11 tháng năm 2022, toàn tỉnh xảy ra 41 vụ cháy, không gây thiệt hại về người. Ước tính giá trị tài sản thiệt hại khoảng trên 1,1 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm 2021 giảm 16 vụ, về giá trị thiệt hại giảm hơn 2,8 tỷ đồng. Trong 11 tháng năm 2022 trên địa bàn tỉnh không có vụ nổ xảy ra.

8. Vi phạm môi trường

Trong tháng 11/2022 trên địa bàn tỉnh có 04 vụ vi phạm về môi trường, các ngành chức năng đã tiến hành kiểm tra xử phạt với tổng tiền là 996,3 triệu đồng. So với cùng kỳ tăng 02 vụ và tăng 868,3 triệu đồng tiền xử phạt.

Lũy kế 11 tháng năm 2022 các ngành chức năng đã tiến hành kiểm tra 24 vụ vi phạm môi trường, xử phạt 5,1 tỷ đồng thu nộp ngân sách Nhà nước (*so cùng kỳ giảm 03 vụ vi phạm, giảm 2 tỷ đồng về số tiền xử phạt*).

9. Thiệt hại do thiên tai

Trong tháng 11/2022 trên địa bàn không có đợt thiên tai nào xảy ra. Lũy kế từ đầu năm đến ngày 21/11/2022 trên địa bàn có 16 đợt thiên tai xảy ra, có 03 người bị chết, 01 người bị thương nhẹ và gây thiệt hại một số diện tích hoa màu và tài sản khác. Tổng giá trị thiệt hại về tài sản ước tính khoảng trên 65 tỷ đồng. So cùng kỳ giảm 04 đợt thiên tai nhưng số người bị chết tăng 03 người, số người bị thương giảm 05 người và giá trị thiệt hại tăng 47,5 tỷ đồng.

Để hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra, ngành chức năng và các địa phương đã và đang đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao ý thức trách nhiệm của các cấp, ngành, địa phương và người dân; thường xuyên cung cấp các thông tin đầy đủ, kịp thời, các tình huống, cảnh báo diễn biến thời tiết xấu để các cơ quan, đơn vị, địa phương và người dân trên địa bàn kịp thời có phương án ứng phó, hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai.

Khái quát lại, tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng năm 2022 trên địa bàn tỉnh đạt được nhiều kết quả quan trọng với nhiều điểm sáng nổi bật: Các hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục được phục hồi và phát triển, lạm phát được

kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo, các hoạt động văn hoá, xã hội tiếp tục diễn ra sôi động, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được cải thiện, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo.

Tuy nhiên, thời gian còn lại của năm 2022 là không nhiều, trong khi khối lượng công việc ngày càng tăng, áp lực ngày càng lớn. Cùng với đó, dự báo trong thời gian tới, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị trên thế giới có thể có nhiều biến động phức tạp, khó lường, tạo ra lực cản đối với quá trình phục hồi và phát triển kinh tế trong nước nói chung và của tỉnh ta nói riêng. Do đó, đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục có quyết tâm cao hơn, nỗ lực lớn hơn, bình tĩnh, tỉnh táo hơn, đề cao trách nhiệm, hiệu quả hơn để hoàn thành tốt nhất các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Trên đây là báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các ngành tổng hợp;
- Lưu: VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG

Trần Quang